

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế
trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Dân số ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 20/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân số số 113/2025/QH15;

Căn cứ Kế hoạch 345-KH/TU, ngày 21/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 60/TTr-SYT ngày 02/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 7/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng tỉnh Lai Châu đến năm 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VX1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi toàn tỉnh; bảo đảm quy mô dân số hợp lý, ổn định lâu dài, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong tương lai, góp phần nâng cao chất lượng dân số, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế – xã hội bền vững của tỉnh Lai Châu đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Duy trì tổng tỷ suất sinh trên toàn tỉnh ổn định ở mức $\approx 2,1$ con/phụ nữ, không để mức sinh giảm dưới mức sinh thay thế.

(Có phụ lục kết quả tổng tỷ suất sinh năm 2025 kèm theo)

- Trên 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con, để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn toàn tỉnh.

- 100% xã, phường thực hiện các chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con.

II. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương chuyên hướng trọng tâm chính sách dân số sang dân số và phát triển; điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo, chỉ đạo về việc vận động, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo gia tăng tỷ lệ sinh ở các xã, phường có mức sinh dưới mức sinh thay thế; triển khai giải pháp phù hợp với từng địa bàn nhằm duy trì ổn định mức sinh thay thế trên toàn tỉnh góp phần bảo đảm nguồn nhân lực lâu dài cho phát triển kinh tế – xã hội bền vững của tỉnh.

- Căn cứ tình hình thực tế và xu hướng biến động mức sinh của từng xã, phường để xây dựng và ban hành kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể về điều chỉnh mức sinh phù hợp với điều kiện từng địa bàn; trong đó phân nhóm các địa bàn có mức sinh thấp, địa bàn có mức sinh cao và địa bàn có mức sinh thay thế để có giải pháp phù hợp, bảo đảm mục tiêu duy trì mức sinh thay thế trên toàn tỉnh.

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chủ trì, huy động sự tham gia của các ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị – xã hội trong triển khai thực hiện kế hoạch; phân công nhiệm vụ rõ ràng, gắn trách nhiệm cụ thể cho đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về mức sinh; kịp thời điều chỉnh giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới của tỉnh.

- Đề cao tính gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Gắn kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về điều chỉnh mức sinh được giao cho từng địa phương, đơn vị với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị theo quy định, bảo đảm rõ trách nhiệm và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số. Tập trung tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng sinh đủ hai con để đạt và duy trì mức sinh thay thế, đặc biệt là vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm đất nước phát triển bền vững và hạnh phúc của người dân.

- Phát triển các thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền vận động phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, nhóm đối tượng khác nhau:

Tiếp tục thực hiện tuyên truyền về lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con để đạt và duy trì mức sinh thay thế tại các xã, phường có mức sinh dưới mức sinh thay thế. Đồng thời tuyên truyền, vận động về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh

con quá dày đôi với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ tại các xã có mức sinh cao nhằm hạn chế tình trạng sinh con thứ ba trở lên, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống góp phần nâng cao chất lượng dân số.

Khuyến khích chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ưu tiên tuyên truyền, vận động đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với cộng đồng, gia đình và dòng họ như người nổi tiếng, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng... Đặc biệt quan tâm đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp, nhất là các hoạt động truyền thông tại gia đình, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên, nhân viên y tế thôn bản, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị của việc kết hôn, sinh con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

3. Điều chỉnh hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

- Rà soát, tham mưu ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp với mục tiêu duy trì mức sinh thay thế.

Trên cơ sở Luật Dân số năm 2025, Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và thực tiễn mức sinh trên địa bàn tỉnh, tổ chức rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ theo hướng khuyến khích sinh đủ hai con, duy trì mức sinh thay thế, phù hợp đặc thù miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới.

Hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ theo quy định của Trung ương.

Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người; chính sách hỗ trợ phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi theo quy định của Chính phủ, bảo đảm hiệu quả, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh theo quy định của Chính phủ, gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở, mở rộng tầm soát, sàng lọc ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới.

Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá tác động của chính sách; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhằm bảo đảm phù hợp với biến động mức sinh và điều kiện kinh tế – xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

- Củng cố và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản bảo đảm mọi người dân trên địa bàn tỉnh được tiếp cận thuận lợi, bình đẳng với các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản, không phân biệt giới tính, tình trạng hôn nhân, dân tộc, nơi cư trú. Nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, đặc biệt là trạm y tế xã trong hoạt động cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình an toàn, thân thiện, phù hợp với điều kiện miền núi.

- Đẩy mạnh tư vấn, sàng lọc, phát hiện sớm các nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản; lồng ghép nội dung dự phòng vô sinh trong các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe vị thành niên, thanh niên. Từng bước nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế; tăng cường phối hợp với các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến Trung ương trong hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chú trọng mở rộng dịch vụ tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới. Tổ chức các hình thức cung cấp dịch vụ linh hoạt, phù hợp với địa bàn miền núi, dân cư phân tán như: cung cấp dịch vụ lưu động, lồng ghép trong các đợt chiến dịch.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực:

Tổ chức cập nhật kiến thức, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên y tế thôn, bản bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về công tác dân số

trong tình hình mới. Nâng cao kỹ năng truyền thông, tư vấn, vận động người dân sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, giảm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung điều chỉnh mức sinh vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị; chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ có chuyên môn về dân số, thống kê, phân tích dữ liệu dân số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Nghiên cứu khoa học và hệ thống thông tin quản lý:

Tăng cường nghiên cứu, đánh giá thực trạng, xu hướng biến động mức sinh, cơ cấu dân số, già hóa dân số trên địa bàn tỉnh; phân tích mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế – xã hội, làm cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp với đặc thù tỉnh miền núi, dân tộc thiểu số.

Củng cố, hoàn thiện hệ thống thu thập, quản lý và cập nhật dữ liệu dân số; nâng cao chất lượng báo cáo, dự báo tình hình mức sinh, cơ cấu dân số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu dân số; bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác, phục vụ công tác hoạch định chính sách.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá:

Tăng cường kiểm tra, giám sát hỗ trợ việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các xã, phường; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định; trên cơ sở đó đề xuất điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh trong từng giai đoạn.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước; từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành và UBND các xã, phường thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về duy trì mức sinh thay thế.

- Chủ trì rà soát, đề xuất ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp với thực tiễn địa phương; tổ chức triển khai các chính sách của Trung ương về hỗ trợ sinh đủ hai con, sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, cung cấp dịch vụ dân số – kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; nâng cao chất lượng dịch vụ tại tuyến cơ sở, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới.

- Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về duy trì mức sinh thay thế, ổn định quy mô dân số vào trong các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao dự toán để các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định về phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Sở Nội vụ

- Tham mưu quản lý, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; lồng ghép nội dung dân số và phát triển, duy trì mức sinh thay thế vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các cấp.

- Hướng dẫn, theo dõi việc đưa các chỉ tiêu về dân số, đặc biệt là chỉ tiêu mức sinh, vào tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới tính, phòng tránh tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vào chương trình giảng dạy và hoạt động ngoại khóa phù hợp với từng cấp học.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho học sinh, thanh niên về kết hôn đúng độ tuổi, sinh đủ hai con, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan triển khai các hoạt động truyền thông, vận động phù hợp với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới.

- Lồng ghép mục tiêu duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số vào các chương trình, chính sách dân tộc đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tư pháp

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- Chủ trì thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích để duy trì mức sinh thay thế trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền về duy trì mức sinh thay thế, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao gắn với tuyên truyền chính sách dân số; phát huy vai trò của gia đình trong sinh con và nuôi dạy con tốt.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến quy mô dân số, mức sinh, cơ cấu dân số và già hóa dân số trên địa bàn tỉnh.

9. Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức về dân số và phát triển trong toàn thể xã hội.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và chỉ đạo MTTQ Việt Nam các xã, phường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt các chính sách dân số nhằm nâng cao nhận thức về dân số và phát triển; Lồng ghép công tác dân số và phát triển trong hoạt động phong trào của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

11. Các sở, ban, ngành khác triển khai thực hiện kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

12. UBND các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về mức sinh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động trực tiếp tại cộng đồng, đưa các chỉ tiêu về dân số vào hương ước, quy ước thôn, bản, tổ dân phố. Phát huy vai trò của đội ngũ nhân viên y tế thôn bản; già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng...

- Bố trí nguồn lực theo phân cấp; lồng ghép mục tiêu dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

- Định kỳ trước ngày 20/12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch./.

Phụ lục
TỔNG TỶ SUẤT SINH NĂM 2025 CÁC XÃ, PHƯỜNG TỈNH LAI CHÂU

Tổng tỷ suất sinh toàn tỉnh = 1,96 con/phụ nữ

Các xã có mức sinh thấp			Các xã có mức sinh tiệm cận mức sinh thay thế			Các xã có mức sinh cao		
STT	Đơn vị	Tổng tỷ suất sinh (con/phụ nữ)	STT	Đơn vị	Tổng tỷ suất sinh (con/phụ nữ)	STT	Đơn vị	Tổng tỷ suất sinh (con/phụ nữ)
1	Nậm Mạ	1,34	1	Sì Lở Lầu	1,94	1	Bum Nưa	2,21
2	Khổng Lào	1,41	2	Pắc Ta	1,96	2	Khun Há	2,30
3	Đoàn Kết	1,44	3	Mường Than	1,98	3	Nậm Sỏ	2,31
4	Tân Uyên	1,51	4	Tả Lèng	1,99	4	Hồng Thu	2,37
5	Phong Thổ	1,52	5	Bum Tờ	2,02	5	Dào San	2,47
6	Mù Cả	1,56	6	Pa Tần	2,06	6	Pa Ủ	2,55
7	Nậm Tăm	1,57	7	Nậm Hàng	2,07	7	Tả Tổng	2,65
8	Tân Phong	1,60	8	Mường Mô	2,08	8	Tủa Sín Chải	2,97
9	Nậm Cuối	1,61	9	Mường Khoa	2,11			
10	Bình Lư	1,66	10	Hua Bum	2,19			
11	Mường Kim	1,66	11	Sìn Hồ	2,19			
12	Lê Lợi	1,71						
13	Bản Bò	1,73						
14	Than Uyên	1,73						
15	Khoen On	1,75						
16	Mường Tè	1,77						
17	Pu Sam Cáp	1,81						
18	Sìn Suối Hồ	1,85						
19	Thu Lũm	1,88						